

Bản án số: 147/2019/DS-PT

Ngày: 13/6/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Liên Anh

Các thẩm phán: Ông Vũ Viết Văn
Ông Đinh Như Lâm

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lưu Ly, Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Nguyễn Thị
Thúy Hà, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2019/TLPT-DS ngày 28/01/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2018/DS-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 147/2019/QĐ-PT ngày 15/5/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 171/2019/QĐPT-HPT ngày 24/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phan H.Đ, sinh năm 1969

Địa chỉ: Cụm X, xã S, huyện Phúc Thọ, Hà Nội.

Bị đơn: Bà Kiều T.G, sinh năm 1962

Địa chỉ: Cụm Y, xã V, huyện Phúc Thọ, Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cụ Lê V.B, sinh năm 1929

Địa chỉ: Cụm Z, xã V, huyện Phúc Thọ, Hà Nội.

2. Anh Lê V.H, sinh năm 1986

3. Anh Lê V.Q, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: Cụm T, xã V, huyện Phúc Thọ, Hà Nội.

4. Chị Lê T.D, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn C.T, xã Đ, huyện Thanh Oai, Hà Nội.

Do có kháng cáo của anh Phan H.Đ là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn anh Phan H.Đ trình bày:

Anh Phan H.Đ có quan hệ họ hàng với vợ chồng ông Lê N.T và bà Kiều T.G (bà G là cô họ của vợ anh Đ). Năm 2011, ông T có hỏi vay anh số tiền

500.000.000đ (*năm trăm triệu đồng*) nói là để mua nhà ở nội thành Hà Nội. Anh Đ đồng ý cho vay, khi đó chỉ có mình ông T hỏi vay nhưng anh Đ có nói cho Bà G biết việc đó. Anh Đ và ông T đã lập một “Hợp đồng vay vốn” ghi ngày 07/5/2011, số tiền vay là 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*), thời hạn vay kể từ 07/5/2011 đến 07/8/2011. Trong hợp đồng không ghi về lãi suất nhưng ông T có nói miệng với anh là sẽ trả lãi theo lãi suất ngân hàng. Đến hạn, ông T không trả được tiền gốc theo hẹn. Tiền lãi thì trả đủ. Ông T xin gia hạn trả gốc nhưng không hẹn ngày trả. Mãi đến tháng 5/2013 thì ông T trả cho anh Đ được 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) tiền gốc, lãi đã trả đủ. Do vậy, hai bên đã gạch bỏ hợp đồng vay vốn và viết lại “Giấy vay tiền” ghi ngày 14/5/2013, số tiền vay là 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*), thời gian vay từ ngày 14/5/2013 đến 14/5/2014 dương lịch. Nhưng sau đó, quá hạn mà ông T không trả được. Anh Đ đã đến nhà đòi nhiều lần, ông T khất và sau đó ông T ngã bệnh (ông T bị ung thư phổi) nên không trả được. Tháng 5/2015, anh Đ khởi kiện đòi nợ đối với ông T tại Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ nhưng ông T bị ốm nặng và sau đó ông T chết nên anh đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án.

Khi ông T còn sống, ông T có dặn vợ và các con ông T trước mặt anh Đ và bố để ông T rằng gia đình còn nợ anh số tiền 300.000.000đ vay để mua nhà ở Hà Nội, nếu ông T mất thì Bà G và các con phải có trách nhiệm trả anh số tiền đó. Sau này, anh Đ đã gặp Bà G và các con của ông T để đòi nợ rất nhiều lần. Bà G thì bảo để bảo các em nó (tức là các con Bà G) thu xếp trả cho anh nhưng khi anh gặp các con trai Bà G thì lại bảo việc đó do Bà G giải quyết. Đã nhiều năm như vậy nên nay anh Đ tiếp tục khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc mẹ con Bà G phải trả anh số tiền còn nợ lại là 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*). Anh chỉ đòi tiền gốc, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Kiều T.G trình bày: Bà có quan hệ họ hàng với vợ của anh Phan H.Đ. Chồng bà là ông Lê N.T đã chết năm 2015. Khi còn sống, ông T có vay của anh Đ số tiền 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*). Việc vay tiền này là của ông T và anh Đ thỏa thuận với nhau, bà hoàn toàn không biết ông T vay để làm gì, bà cũng không được sử dụng số tiền vay đó.

Khi ông T ốm nặng thì có bảo với bà là ông T có vay của anh Đ số tiền gốc là 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*) và đã trả được 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) tiền gốc và 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) tiền lãi. Tuy nhiên, do ông T ốm đau nên xin anh Đ tính 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) tiền lãi vào tiền gốc nên chỉ còn nợ anh Đ số tiền 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*). Khi ông T còn sống thì anh Đ đã khởi kiện đòi nợ ra Tòa án rồi nhưng sau đó ông T mất nên anh Đ đã rút đơn.

Sau khi ông T mất, anh Đ có gặp bà một vài lần để yêu cầu thanh toán nợ nhưng không nói với bà số tiền cụ thể là bao nhiêu. Bà đã trao đổi với các con về khoản nợ của ông T nhưng các con bà do điều kiện khó khăn nên chưa thu xếp để trả nợ cho anh Đ được. Nay anh Đ tiếp tục khởi kiện đòi nợ với số tiền đã cho ông T vay, bà còn phải nghiên cứu và bàn bạc với các con vì mẹ con bà không biết việc vay mượn tiền này của ông T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cụ Lê V.B trình bày: Cụ không biết việc vay mượn tiền giữa ông Lê N.T và anh Phan H.Đ như thế nào vì vợ chồng ông T ở riêng từ mấy chục năm nay. Ông T đã chết, vì vậy, trách nhiệm trả nợ khoản tiền vay nói trên là của mẹ con bà Kiều T.G.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 24/2018/DS-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phan H.Đ.

Buộc bà Kiều T.G phải trả anh Phan H.Đ số tiền 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, ngày 03/12/2018 anh Phan H.Đ là nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, buộc Bà G phải thanh toán số tiền là 300.000.000đ vì hiện ông T, bà G còn có nhà và đất tại số A, ngách I, ngõ Y Cầu Giấy, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội nên bà G đủ điều kiện để thanh toán cho anh số tiền 300.000.000đ.

Bị đơn bà G và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cụ B, anh H, anh Q, chị D vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án công bố lời khai của các đương sự vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và nguyên đơn tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, sau khi xác minh tại UBND phường Yên Hòa nhận thấy ngoài nhà đất tại cụm T, xã V, huyện Phúc Thọ, Hà Nội, ông T Bà G còn có tài sản là nhà đất tại địa chỉ tại số A, ngách I, ngõ Y Cầu Giấy, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa bản án số 24/2018/DS-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Hà Nội theo hướng chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

Về hình thức: Nguyên đơn anh Phan H.Đ kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo, về hình thức là hợp lệ.

Về nội dung:

Do có quan hệ họ hàng nên anh Phan H.Đ đã cho ông Lê N.T vay khoản tiền 500.000.000đ theo “Hợp đồng vay vốn” ngày 07/5/2011, trong đó hai bên thỏa thuận thời hạn vay từ ngày 07/5/2011 đến ngày 07/8/2011. Đến hạn ông T không trả được gốc nhưng tiền lãi đã trả đủ. Đến tháng 5/2013 thì ông T trả được 200.000.000đ tiền gốc, lãi đã trả đủ, hai bên gạch bỏ hợp đồng vay vốn và viết lại “Giấy vay tiền” ghi ngày 14/5/2013, số tiền vay là 300.000.000đ, thời gian vay từ 14/5/2013 đến 14/5/2014 dương lịch. Do ông T không trả được tiền nên tháng

5/2015, anh Đ khởi kiện đòi nợ đối với ông T tại Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ. Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông T trong “Hợp đồng vay vốn” và “Giấy vay tiền” nói trên. Tại bản kết luận giám định số 165/C54-P5 ngày 16/7/2015, Viện khoa học hình sự đã kết luận: “Chữ viết, chữ ký dưới mục “Người vay tiền” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết, chữ ký trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 do cùng một người viết, ký ra”. Ngày 22/7/2015, ông T chết nên anh Đ rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Nay, anh Đ tiếp tục khởi kiện yêu cầu Bà G phải trả cho anh số tiền mà ông T vay là 300.000.000đ.

Xét thấy các bên đều xác nhận có việc vay nợ. Bà G khai ông T đã trả được 200.000.000đ tiền gốc, 200.000.000đ tiền lãi và đã xin anh Đ tính 200.000.000đ tiền lãi đó vào gốc, hiện chỉ còn nợ 100.000.000đ nhưng Bà G không xuất trình được chứng cứ. “Giấy vay tiền” ghi ngày 14/5/2013 thể hiện số tiền ông T vay là 300.000.000đ

Ông T chết năm 2015. Theo Công an xã Võng Xuyên cung cấp thì hàng thừa kế thứ nhất của ông T hiện có: Bà Kiều T.G (vợ ông T); cụ Lê V.B (bố đẻ ông T); các con của ông T là: Anh Lê V.H, anh Lê V.Q, chị Lê T.D. Năm 2015, ông T có làm đơn xin ly hôn với Bà G, Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã thụ lý vụ án nhưng đang trong quá trình giải quyết thì ông T chết ngày 22/7/2015, do vậy Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết số 17/2015/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2015. Như vậy tại thời điểm ông T chết thì Bà G vẫn là vợ hợp pháp của ông T.

Theo UBND xã Võng Xuyên cung cấp thì vợ chồng ông T, Bà G có tài sản là nhà đất tại thửa đất số 332, tờ bản đồ số 02, diện tích 32m² tại cụm T, xã V, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội, trên đất có 01 ngôi nhà 03 tầng. Ông Lê N.T đứng tên thửa đất này trong sổ mục kê từ năm 1996. Đất này có nguồn gốc là do ông Lê N.T đứng ra mua nhưng đến thời điểm hiện tại vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo giá thị trường tại địa phương, giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại khu vực này khoảng 10.000.000đ/m². Giá trị khối tài sản xác định là 320.000.000đ, xác định di sản của ông T là 160.000.000đ. Cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông T phải thanh toán tiền cho anh Đ là có căn cứ.

Sau khi xét xử sơ thẩm, anh Đ có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện vì ngoài khối tài sản là nhà đất tại thửa đất số 332, tờ bản đồ số 02, diện tích 32m² tại cụm T, xã V, huyện Phúc Thọ, Hà Nội, ông T Bà G còn có khối tài sản là nhà đất tại số A, ngách I, ngõ Y Cầu Giấy, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Qua xác minh Ủy ban nhân dân phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội cung cấp: *“Nhà số A, ngách I, ngõ Y Cầu Giấy, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội tọa lạc tại một phần thửa đất số 130, tờ bản đồ số 1 phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội; chủ sử dụng đất là ông Lê Nguyên T, bà Kiều T.G. Nhà số 41A đã được cấp GCN số BE277333 ngày 30/5/2011, diện tích 30m²”*. Như vậy có căn cứ để xác định ngoài khối tài sản là nhà đất tại cụm T, xã V,

huyện Phúc Thọ, Hà Nội, ông T Bà G còn có tài sản là nhà đất tại địa chỉ 41A, ngách 51, ngõ 155 Cầu Giấy, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Toà án Hà Nội đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với nhà đất tại địa chỉ số A, ngách I, ngõ Y Cầu Giấy, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội theo đó tổng giá trị quyền sử dụng đất và giá trị tài sản trên đất là 1.526.790.000đ, xác định di sản của ông T đối với nhà đất này là 763.395.000đ.

Di sản do ông T để lại nằm trong khối tài sản chung với Bà G và hiện đang do Bà G quản lý, sử dụng nên cần buộc Bà G phải trả cho anh Đ khoản tiền nợ của ông T để lại là 300.000.000đ. Nghĩa vụ thanh toán này của Bà G sẽ được xem xét trong vụ án dân sự khác nếu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất có yêu cầu khởi kiện chia thừa kế di sản của ông T để lại.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Phan H.Đ.

Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Bà Kiều T.G phải chịu 15.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Phan H.Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên nguyên đơn anh Phan H.Đ không phải chịu án phí phúc thẩm, được nhận lại dự phí kháng cáo đã nộp.

Vì các lẽ trên: Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 24/2018/DS-ST ngày 22/11/2018 của Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 288, 289, 357, 614, 615, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26; Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan H.Đ.

Buộc bà Kiều T.G phải thanh toán cho anh Phan H.Đ số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

2. Về án phí:

Án phí phúc thẩm: Anh Phan H.Đ không phải chịu án phí phúc thẩm, được nhận lại 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) dự phí kháng cáo đã nộp tại Biên lai thu dự phí số 0005433 ngày 06/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Hà Nội.

Án phí sơ thẩm: Bà Kiều T.G phải chịu 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Phan H.Đ 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0005327 ngày 20/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Hà Nội.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 13/6/2019.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND huyện Phúc Thọ;
- Chi cục THADS huyện Phúc Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Liên Anh